



ISO 9001:2008
TUV NORD CERTIFIED

TECHGEL®

CÔNG TY CP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, P. 2, Q. Bình Thạnh, TP. HCM, Việt Nam Tel.: (84.8) 35107030 Fax: (84.8) 35107028
Email: techgel@techgel.com Website: www.techgel.com

MÃ SỐ THUẾ: 0302887211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011

S.Đ.K.K.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TỐAN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Đơn vị tính: VNĐ

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		135 119 289 095	108 785 146 586
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4 212 379 750	2 885 961 380
1. Tiền	111	V.01	4 212 379 750	2 885 961 380
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	200 000 000	200 000 000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		200 000 000	200 000 000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
III. Các khoản phải thu	130		96 946 991 182	92 384 322 787
1. Phải thu khách hàng	131		83 444 515 794	88 430 905 953
2. Trả trước cho người bán	132		13 419 541 388	3 952 819 309
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	82 934 000	597 525
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		20 803 772 780	10 050 887 746
1. Hàng tồn kho	141	V.04	20 803 772 780	10 050 887 746
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12 956 145 383	3 263 974 673
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2 764 921 971	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1 532 528 519	84 401 406
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	1 693 166 410	1 819 828 685
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		6 965 528 483	1 359 744 582
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		104 803 703 978	104 934 254 641
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		94 500 748 474	94 533 791 235
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	1 393 113 133	1 422 989 226
- Nguyên giá	222		2 892 364 497	2 797 232 676

- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1 499 251 364)	(1 374 243 450)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	93 107 635 341	93 110 802 009
- Nguyên giá	228		93 143 358 055	93 143 358 055
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(35 722 714)	(32 556 046)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	5 622 955 504	5 720 463 406
- Nguyên giá	241		5 850 473 942	5 850 473 942
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(227 518 438)	(130 010 536)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4 680 000 000	4 680 000 000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	4 680 000 000	4 680 000 000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		239 922 993 073	213 719 401 227
A. Nợ phải trả (300=310+320)	300		156 510 138 060	129 345 107 928
I. Nợ ngắn hạn	310		116 054 670 868	96 702 107 928
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	80 089 845 121	59 344 810 031
2. Phải trả người bán	312		14 518 388 047	23 145 767 642
3. Người mua trả tiền trước	313		12 133 095 883	306 098 490
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	21 895 741	30 516 012
5. Phải trả người lao động	315		549 969 357	1 223 436 000
6. Chi phí phải trả	316	V.17	576 082 615	2 062 949 880
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ XD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	3 535 749 972	6 400 558 202
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	4 629 644 132	4 187 971 671
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
II. Nợ dài hạn	330		40 455 467 192	32 643 000 000
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			

4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	32 301 000 000	32 643 000 000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		8 154 467 192	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)	400		83 412 855 013	84 374 293 299
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	83 412 855 013	84 374 293 299
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40 000 000 000	40 000 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32 241 661 000	32 241 661 000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(333 150 000)	(273 150 000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển (bổ sung VĐL)	417		3 658 717 551	3 272 143 241
8. Quỹ dự phòng tài chính (bổ sung VĐL)	418		1 724 254 585	1 337 680 276
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6 121 371 877	7 795 958 782
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
1. Quỹ khác	421			
2. Nguồn kinh phí	422	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	423			
Tổng cộng nguồn vốn (430=300+400)	430		239 922 993 073	213 719 401 227
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán				
1. Tài sản thuê ngoài		24		
2. Vật tư, hàng hóa giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại (USD)			1 121,41	1 231,58
6. Ngoại tệ các loại (EUR)			20 114,71	34 072,64
7. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Người lập biểu



Phạm Văn Huy

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Sơn

Ngày 10 tháng 08 năm 2011



Tổng Giám đốc

Đặng Công Ngôn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TỪ 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	1	VI.25	28 518 462 956	102 329 744 334
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			2 736 317 487
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		28 518 462 956	99 593 426 847
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	16 455 687 531	81 224 795 535
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10 - 11)	20		12 062 775 425	18 368 631 312
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	249 014 539	364 637 798
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	6 127 083 532	11 989 428 972
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6 127 083 532	11 373 740 055
8. Chi phí bán hàng	24		283 835 346	331 322 729
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3 987 291 688	11 571 995 854
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		1 913 579 398	(5 159 478 445)
11. Thu nhập khác	31		9 243 460	31 057 955 756
12. Chi phí khác	32			15 234 617 100
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		9 243 460	15 823 338 656
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1 922 822 858	10 663 860 211
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành (51=50 x 25%)	51	VI.31	126 662 275	2 932 374 020
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-51.1)	60		1 796 160 583	7 731 486 191
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		451	1 940

Người lập biểu

Phạm Văn Huy

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Sơn

Ngày 10 tháng 08 năm 2011

Tổng Giám đốc



Đặng Công Ngôn

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.922.822.858	10.663.860.211
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8,9,11	225.682.484	401.080.037
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(48.054.700)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7,8	(249.014.539)	(11.729.496.080)
- Chi phí lãi vay	06		6.127.083.532	11.373.740.055
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.026.574.335	10.661.129.523
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.597.719.730	16.468.394.463
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.752.885.034)	(1.437.818.359)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(16.753.874.619)	(23.980.253.984)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.338.637)	29.048.677
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8.883.666.866)	(11.373.740.055)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	-	(6.624.741.495)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		508.044.667	35.041.490.946
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.035.256.929)	(24.204.795.010)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.301.683.353)	(5.421.285.294)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21			(9.280.793.465)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			8.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.12		(4.680.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		209.516.883	300.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		209.516.883	(5.660.793.465)

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.22	(60.000.000)	(253.650.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13,21	66.703.071.773	122.475.819.174
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13,21	(46.300.036.683)	(107.105.509.030)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	(1.924.450.250)	(5.997.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		18.418.584.840	9.119.610.144
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.326.418.370	(1.962.468.615)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.885.961.380	4.812.379.036
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	36.050.959
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4.212.379.750	2.885.961.380

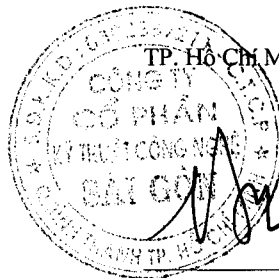
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011



Phạm Văn Huy
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Sơn
Kế toán trưởng



Đặng Công Ngôn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ - thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Tư vấn, thiết kế, giám sát, thẩm định, kiểm định các dự án về lĩnh vực: cơ khí, điện trung và hạ thế từ 35 KV trở xuống, điện tử, điện lạnh, môi trường, xây dựng công nghiệp và các cơ sở hạ tầng, mạng máy vi tính, internet, tổng đài, phát thanh và truyền hình, báo cháy, camera giám sát, phần mềm quản lý doanh nghiệp, phần mềm điều khiển quy trình sản xuất, chuyển giao công nghệ;
Nhà thầu cung cấp, xây lắp trọn gói hoặc từng phần các lĩnh vực: cơ khí, điện trung và hạ thế từ 35 KV trở xuống, điện tử, điện tự động điều khiển sản xuất, tin học, nhiệt – lạnh, môi trường, cấp thoát nước, xây lắp và các nhà máy công nghiệp, nông lâm thủy hải sản, y tế, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư, các nhà máy chế biến lương thực;
Kinh doanh các mặt hàng cơ khí, điện trung hạ thế, điện tử, điện lạnh, máy tính, hàng tiêu dùng công nghiệp, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là năm tài chính thứ 9 của Công ty.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo).

2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo).

Tài sản cố định khác

03 – 04

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 50 năm. Riêng quyền sử dụng đất không xác định thời hạn thì không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 3 năm.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

8. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

9. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trả cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo).

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo).

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD

30/06/2011 : 20.560 VND/USD

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	162.023.603	48.210.169
Tiền gửi ngân hàng	4.050.356.147	2.837.751.211
Cộng	<u>4.212.379.750</u>	<u>2.885.961.380</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản cho Công ty Xây lắp và Công nghiệp Tàu thủy Miền Trung vay.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	83.444.515.794	88.430.905.953
Khách hàng nước ngoài	-	-
Cộng	<u>83.444.515.794</u>	<u>88.430.905.953</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo).**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp trong nước	6.880.540.389	3.952.819.309
Nhà cung cấp nước ngoài	6.539.000.999	
Cộng	<u>13.419.541.388</u>	<u>3.952.819.309</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải thu khác	82.934.000	597.525
Cộng	<u>82.934.000</u>	<u>597.525</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	17.107.650	17.107.650
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.553.238.190	9.800.353.156
Hàng hóa	233.426.940	233.426.940
Cộng	<u>20.803.772.780</u>	<u>10.050.887.746</u>

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

8. Tài sản ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	294.359.075	158.907.500
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.671.169.408	1.200.837.082
Cộng	<u>6.965.528.483</u>	<u>1.359.744.582</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.036.549.340	475.151.040	458.902.000	726.010.996	100.619.300	2.797.232.676
Mua sắm mới	-	30.804.546	-	64.327.275	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>1.036.549.340</u>	<u>505.955.586</u>	<u>458.902.000</u>	<u>790.338.271</u>	<u>100.619.300</u>	<u>2.892.364.497</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	-	458.902.000	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	90.698.076	205.948.847	458.902.000	562.707.627	55.986.900	1.374.243.450
Khấu hao trong năm	25.913.736	35.467.998	-	52.775.378	10.850.802	125.007.914
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>116.611.812</u>	<u>241.416.845</u>	<u>458.902.000</u>	<u>615.483.005</u>	<u>66.837.702</u>	<u>1.499.251.364</u>
Giá trị còn lại						

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo).

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	945.851.264	300.006.739		227.630.644	44.632.400	1.518.121.047
Số cuối năm	919.937.528	264.538.741		174.855.266	33.781.598	1.393.113.133

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	93.103.884.355	39.473.700	93.143.358.055
Mua sắm mới	-	-	-
Giảm khác			
Số cuối năm	93.103.884.355	39.473.700	93.143.358.055
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	32.556.046	32.556.046
Khấu hao trong năm		3.166.668	3.166.668
Giảm khác			
Số cuối năm		35.722.714	35.722.714
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	93.103.884.355	6.917.654	93.110.802.009
Số cuối năm	93.103.884.355	3.750.986	93.107.635.341

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	5.850.473.942
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	
Số cuối năm	5.850.473.942
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	130.010.536
Khấu hao trong năm	97.507.902
Số cuối năm	227.518.438
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	5.720.463.406
Số cuối năm	5.622.955.504

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	160.258.438	222.888.151
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	97.507.902	130.010.536
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Toàn bộ giá trị bất động sản đầu tư được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á

12. Đầu tư vào công ty liên kết

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309709722 ngày 26 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn 39 tỷ VND, tương đương 39 % vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4,68 tỷ VND, tương đương 39% vốn điều lệ.

13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	80.089.845.121	59.344.810.031
- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á ^(a)	56.975.644.058	55.936.099.492
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – CN TP. HCM	23.114.201.063	3.408.710.539
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	<u>80.089.845.121</u>	<u>59.344.810.031</u>

(a) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á để bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản căn nhà số 95 đường Điện Biên Phủ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Căn nhà số 30 Phan Chu Trinh, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	59.344.810.031	46.617.499.887
sinh trong năm	66.703.071.773	119.775.819.174
Số tiền vay đã trả trong năm	(45.958.036.683)	(107.048.509.030)
Số cuối năm	<u>80.089.845.121</u>	<u>59.344.810.031</u>

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp trong nước	6.081.779.509	14.455.004.954
Nhà cung cấp nước ngoài	8.436.608.538	8.690.762.688
Cộng	<u>14.518.388.047</u>	<u>23.145.767.642</u>

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	12.133.095.883	306.098.490
Khách hàng nước ngoài	-	-
Cộng	<u>12.133.095.883</u>	<u>306.098.490</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa				

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo).

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	466.003.023	(466.003.023)	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-			
Thuế xuất nhập khẩu	2.811.402	6.259.232	(9.070.634)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.819.828.685)	126.662.275		(1.693.166.410)
Thuế thu nhập cá nhân	27.704.610	272.823.314	(278.632.183)	21.895.741
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	
Cộng	(1.789.312.673)	875.747.844	(757.705.840)	(1.671.270.669)

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở khoản mục Thuế và các khoản phải thu khác Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu :	0 %
- Các mặt hàng cung cấp không lắp đặt:	5 %
- Hoạt động xây lắp, cung cấp lắp đặt hàng điện tử và thiết bị văn phòng:	10 %

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.922.822.858	10.313.322.323
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế của hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>		11.729.496.080
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	1.922.822.858	(1.416.173.757)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.416.173.757	-
Thu nhập tính thuế	506.649.101	10.313.322.323
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế của hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>		11.729.496.080
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	506.649.101	(1.416.173.757)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	126.662.275	2.932.374.020
Thuế thu nhập doanh nghiệp miễn, giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	126.662.275	2.932.374.020

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo).**17. Phải trả người lao động**

Tiền lương tháng 5 năm 2011.

18. Chi phí phải trả

Các khoản trích trước chi phí công trình.

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	13.793.853	11.335.248
Tiền mượn thành viên Hội đồng quản trị	3.340.000.000	6.200.000.000
Phải trả phải nộp khác	181.956.119	189.222.954
Doanh thu chưa thực hiện	8.154.467.192	
Cộng	<u>11.690.217.164</u>	<u>6.400.558.202</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.187.971.671	3.031.523.228
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	773.148.619	1.435.066.943
Chi quỹ trong năm	(331.476.158)	(278.618.500)
Số cuối năm	<u>4.629.644.132</u>	<u>4.187.971.671</u>

21. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á để đầu tư mua sắm tài sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 95 đường Điện Biên Phủ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và số 30 Phan Chu Trinh, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 1 năm trở xuống	-
Trên 1 năm đến 5 năm	32.301.000.000
Tổng nợ	<u>32.301.000.000</u>

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	32.643.000.000	30.000.000.000
Số tiền vay phát sinh trong năm		2.700.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(342.000.000)	(57.000.000)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Số cuối năm	<u>32.301.000.000</u>	<u>32.643.000.000</u>

22. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 28.

Cổ tức

Chi tiết cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	1.924.450.250
Tạm ứng cổ tức năm nay	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo).

Cộng	1.924.450.250	
Cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành cho Cổ đông hiện hữu.	4.000.000	4.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(22.210)	(18.210)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.977.790	3.981.790
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.977.790	3.981.790
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND

Mục đích trích lập đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	28.518.462.956	102.329.744.334
Doanh thu hoạt động xây lắp	28.358.204.518	101.567.862.826
Doanh thu hoạt động thương mại	-	538.993.357
Doanh thu cung cấp dịch vụ	160.258.438	222.888.151
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	(2.736.317.487)
Hàng bán bị trả lại	-	(5.390.013)
Giảm giá hàng bán	-	(2.730.927.474)
Doanh thu thuần	28.518.462.956	99.593.426.847
Trong đó:		
Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	28.358.204.518	98.836.935.352
Doanh thu thuần hoạt động thương mại	-	533.603.344
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	160.258.438	222.888.151

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động xây lắp, cung cấp dịch vụ	16.374.430.946	80.118.678.292
Giá vốn hoạt động thương mại	-	976.106.707

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo).

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	81.256.585	130.010.536
Cộng	<u>16.455.687.531</u>	<u>81.224.795.535</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	211.912.947	187.253.267
Lãi cho vay	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.101.592	129.329.831
Cộng	<u>249.014.539</u>	<u>316.583.098</u>
4. Chi phí hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.127.083.532	11.373.740.055
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	918.172.105
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng	<u>6.127.083.532</u>	<u>12.291.912.160</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	-	57.922.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	274.730.437	205.536.036
Chi phí khác	9.104.909	67.863.773
Cộng	<u>283.835.346</u>	<u>331.322.729</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.953.898.250	8.972.608.989
Chi phí dụng cụ, vật liệu quản lý	45.407.727	37.346.245
Chi phí khấu hao tài sản cố định	128.174.582	271.069.501
Chi phí dịch vụ mua ngoài	722.381.227	1.723.498.674
Chi phí khác	137.429.902	567.472.445
Cộng	<u>3.987.291.688</u>	<u>11.571.995.854</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt chậm thanh toán, vi phạm Hợp đồng	5.343.460	3.119.905.035
Thanh lý Tài sản cố định		25.000.000.000
Thu nhập khác	3.900.000	2.938.050.721
Cộng	<u>9.243.460</u>	<u>31.057.955.756</u>
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý		13.270.503.920
Phạt do trễ tiến độ thực hiện hợp đồng		1.136.900.000
Chi phí khác		827.213.180

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng		15.234.617.100
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.796.160.583	7.380.948.303
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.796.160.583	7.380.948.303
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	3.981.790	3.985.404
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	451	1.852
(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.981.790	3.998.700
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ mua lại		(13.296)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.981.790	3.985.404
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.062.981.700	78.082.841.631
Chi phí nhân công	6.012.107.963	9.088.077.709
Chi phí khấu hao tài sản cố định	225.682.484	401.080.037
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.643.968.416	5.976.293.644
Chi phí khác	146.534.811	635.336.218
Cộng	33.091.275.374	94.981.310.634

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Vay tiền bổ sung vốn kinh doanh		9.200.000.000
Trả tiền vay	2.860.000.000	3.000.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	--------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo).

Hội đồng Quản trị		
Tiền vay còn phải trả	3.340.000.000	6.200.000.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:		
Tiền lương	329.859.800	660.185.620
Tiền thưởng	117.154.000	86.086.000
Thu nhập khác	28.473.000	36.000.000
Cộng	412.986.800	782.271.620

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm 2010 Công ty chỉ phát sinh nghiệp vụ với Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn	4.680.000.000	4.680.000.000
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất		25.000.000.000
Cho thuê văn phòng	160.258.438	367.866.681
Mua dịch vụ		175.778.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất	16.500.000.000	17.000.000.000

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua dịch vụ từ bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính năm nay.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

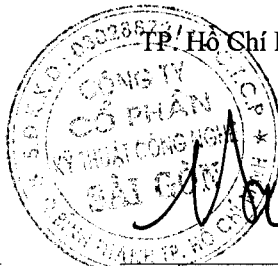
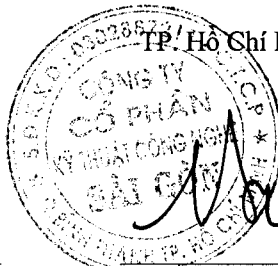
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2011



Phạm Văn Huy
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Sơn
Kế toán trưởng



Đặng Công Ngôn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biên động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	40 000 000 000	32 241 661 000	(19 500 000)	-	2 837 076 298	1 620 146 805	7 649 189 948	84 328 574 051
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	(253 650 000)	-	-	-	-	(253 650 000)
Tăng vốn từ thặng dư vốn các quỹ và lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	7 731 486 191	7 731 486 191
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	1 435 066 943	717 533 471	(3 587 667 357)	(1 435 066 943)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(5 997 050 000)	(5 997 050 000)
Các khoản khác	-	-	-	-	(1 000 000 000)	(1 000 000 000)	2 000 000 000	-
Số dư cuối năm trước	40 000 000 000	32 241 661 000	(273 150 000)	-	3 272 143 241	1 337 680 276	7 795 958 782	84 374 293 299
Số dư đầu năm nay	40 000 000 000	32 241 661 000	(273 150 000)	-	3 272 143 241	1 337 680 276	7 795 958 782	84 374 293 299
Tăng vốn năm	-	-	-	-	386 574 310	386 574 309	-	773 148 619
Chi mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	(60 000 000)	-	-	-	-	(60 000 000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1 796 160 583	1 796 160 583
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	(1 546 297 238)	(1 546 297 238)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(1 924 450 250)	(1 924 450 250)
Các khoản khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	40 000 000 000	32 241 661 000	(333 150 000)	-	3 658 717 551	1 724 254 585	6 121 371 877	83 412 855 013

Phạm Văn Huy
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Sơn
Kế toán trưởng

